GIẢI PHÁP THOÁT NGHÈO CHO CÁC HỘ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Đình Hải
Khoa Kinh tế, Phân hiệu Đại học Lâm nghiệp, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Email: haifuv@yahoo.com

Ngày nhận: 29/01/2016
Ngày nhận bản sửa: 5/01/2017
Ngày duyệt đăng: 25/01/2017

Tóm tắt:

Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các nhân tố chính ảnh hưởng đến tái nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đề xuất một số giải pháp nhằm thoát nghèo cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua thu thập số liệu từ 120 hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Bình Phước và ứng dụng mô hình hồi quy Binary Logistics Regression cho việc phân tích số liệu, nghiên cứu đã xác định được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tình trạng tái nghèo của các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số được sắp xếp theo thứ tự như sau: (1) số người phụ thuộc của hộ; (2) tuổi của chủ hộ; (3) trình độ học vấn của chủ hộ, (4) được vay vốn ngân hàng; (5) diện tích đất của hộ. Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm giúp các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước thoát nghèo bền vững.

Từ khóa: hộ gia đình, dân tộc thiểu số, tái nghèo, thoát nghèo, giải pháp.

Solutions to overcoming poverty for minority ethnic households in Binh Phuoc province

Abstract:

The study aims at determining the key factors influencing poverty relapse of minority ethnic households and proposes solutions to overcoming poverty for minority ethnic households in Binh Phuoc province. By collecting data from 120 minority ethnic households in Binh Phuoc province and using Binary Logistic Regression Model for data analysis, the study identifies five key factors affecting poverty relapse of minority ethnic households in Binh Phuoc province: (1) number of dependent people in household; (2) age of household heads; (3) education level of household heads, (4) loan from banks; and (5) land area of household. The findings of this study, therefore, provide implications for developing solutions to sustainable poverty reduction in the province.

Keywords: Households; minority ethnic groups; poverty relapse; poverty escape, solutions.

1. Đặt vấn đề

Xoá đói giảm nghèo luôn được coi là một nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia và trên toàn thế giới. Với ý nghĩa đó, Liên hiệp Quốc đã lấy ngày 17 tháng 10 hàng năm làm ngày "Thế giới chống đói nghèo" nhằm khuyến cáo và kêu gọi sự quan tâm chia sẻ của cộng đồng chung tay xóa đói, giảm nghèo. Ở Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã lấy ngày 17 tháng 10 hàng năm là "Ngày vì người nghèo", qua đó vận động toàn dân với tinh thần "tương thân, tương ái", "nhường cơm, sẻ áo", chung tay giúp đỡ người nghèo thực hiện xoá đói giảm nghèo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế nước nhà, tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm nhưng kết quả giảm nghèo của Việt Nam còn thiếu bền vững. Chính phủ (2011b, 1) đã khẳng định: "…kết quả giảm nghèo

chưa thực sự bền vững, các hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập nằm sát chuẩn nghèo còn lớn, tỷ lệ hộ tái nghèo còn cao. Sự chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư vẫn còn khá lớn, đời sống người nghèo còn nhiều khó khăn, nhất là ở khu vực miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...".

Bình Phước là tỉnh miền núi thuộc Đông Nam Bộ, cửa ngõ Nam Tây Nguyên với 41 dân tộc sống đan xen, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 19,71%. Đông nhất là đồng bào dân tộc S'tiêng với 86.713 khẩu, tiếp đến là đồng bào các dân tộc Tày, Nùng với gần 50 nghìn nhân khẩu; tiếp theo là các dân tộc Khmer, Hoa, M'nông, Mường với số lượng mỗi dân tộc từ 3 đến 16 ngàn người. Trong những năm qua việc thực hiện các chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đã thu được nhiều kết quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm đều qua các năm (tỷ lệ hộ nghèo năm 2011 là 6,90%, giảm xuống còn 5,59% năm 2012 và 4,77% tính đến cuối năm 2014), đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, an sinh xã hội ngày càng ổn định. Tuy nhiên, đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thì tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao và có xu hướng tăng lên so với tổng số hộ nghèo của tỉnh, cụ thể trong năm 2011 tổng số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số chỉ chiếm 44,04% tổng số hộ nghèo của tỉnh thì đến năm 2014 là 47,03%. Điều này cho thấy nguy cơ nghèo và tái nghèo luôn tồn tại, tính bền vững trong giảm nghèo chưa được khẳng định, nhất là đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Vấn đề đặt ra là nguyên nhân tái nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước là gì? Giải pháp nào để giúp cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước thoát nghèo? đang là một vấn đề mang tính cấp thiết cần được quan tâm giải quyết. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng các chính sách giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

2.1.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Các tài liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan, ban ngành của địa phương, các báo cáo tổng kết năm của các chương trình, niên giám thống kê hằng năm, các đề tài khoa học được nghiên cứu trên địa bàn trong những năm qua và một số tài liệu từ các nguồn thông tin khác.

2.1.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Qua phân tích và tham khảo ý kiến chuyên gia, các nhà quản lý thì để đề xuất các giải pháp góp phần giảm nghèo bền vững cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước thì cần phải đánh giá một cách khách quan các chương trình giảm nghèo đã và đang thực hiện trên địa bàn theo các tiểu vùng khác nhau. Ở mỗi tiểu vùng đều có những đặc điểm riêng và có sự ảnh hưởng khác nhau đến phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Trên cơ sở đó, chúng tôi tiến hành chọn huyện Bù Gia Mập, huyện Lộc Ninh và thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để nghiên cứu, do những địa phương này có đông đồng bào dân tộc thiểu số với cơ cấu thành phần dân tộc đảm bảo đại diện cho các dân tộc tại chỗ (S'tiêng, M'nông, Khmer) và dân tộc thiểu số di cư (Tày, Nùng, Hoa và các dân tộc thiểu số khác), đồng thời đảm bảo cơ cấu theo tỷ lệ hộ nghèo cao, trung bình và thấp so với tổng số hộ dân trên địa bàn.

Trong nghiên cứu căn cứ vào chuẩn nghèo của nước ta giai đoạn 2011 - 2015 (Thủ tướng Chính phủ, 2011a), chúng tôi chia các hộ trên địa bàn thành 2 nhóm: hộ tái nghèo và hộ thoát nghèo, phương pháp điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng với tổng dung lượng mẫu là 120 hộ được lựa chọn, trong đó có 30 hộ tái nghèo và từ 90 hộ thoát nghèo. Hộ tái nghèo và thoát nghèo được xác định dựa trên cơ sở như sau:

- Hộ tái nghèo: là hộ đã thoát nghèo nhưng vì nguyên nhân nào đó mà không còn đủ khả năng ứng phó với những bất lợi trong cuộc sống dẫn đến đói nghèo, tức là có mức thu nhập thấp hơn mức chuẩn nghèo cho từng khu vực và trong từng giai đoạn.

Bảng 1: Phương pháp chọn mẫu khảo sát

Phân theo thu nhập	Huyện, Thị xã			Tổng
	Bù Gia Mập	Lộc Ninh	Đồng Xoài	
Hộ tái nghèo	14	12	4	30
Hộ thoát nghèo	30	29	31	90
Tổng	44	41	35	120

Theo quy định tại tỉnh Bình Phước, hộ tái nghèo là hộ đã thoát nghèo nhưng nghèo trở lại và có thu nhập nhỏ hơn 400.000 VND/người/tháng đối với các hộ ở huyện Lộc Ninh, Bù Gia Mập và nhỏ hơn 500.000 VND/người/tháng đối với các hộ ở thị xã Đồng Xoài.

- Hộ thoát nghèo: Hộ có thu nhập lớn hơn 400.000 VND/người/tháng đối với các hộ ở huyện Lộc Ninh, Bù Gia Mập và lớn hơn 500.000 VND/người/tháng đối với các hộ ở thị xã Đồng Xoài.

2.2. Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu

Để phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến tái nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước, chúng tôi có sử dụng mô hình hàm Binary Logistic Regresion chạy trên phần mềm Stata 12 để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tái nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nhìn chung, ở Việt Nam đã có một số các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng tái nghèo của các hộ gia đình nói chung và các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2011) đã chỉ ra mức độ chênh lệch giữa chi tiêu bình quân đầu người của đồng bào các dân tộc thiểu số và của nhóm người Kinh/Hoa có thể được giải thích dựa trên những khác biệt trong các nguồn lực quan sát được, trong đó bao gồm cơ cấu hộ gia đình (ví dụ như quy mô hộ gia đình, tuổi của các thành viên trong gia đình), trình độ học vấn của hộ gia đình, sở hữu đất đai, và đặc tính của xã). Nguyễn Minh Hà & cộng sự (2013) với kết quả nghiên cứu của mình cũng đã nhận diện được 6 yếu tố tác động đến tình trạng tái nghèo của hộ gia đình ở nông thôn, bao gồm: tuổi chủ hộ, tình trạng việc làm của chủ hộ, số người phụ thuộc trong hộ, diện tích đất sản xuất bình quân đầu người trong hộ, tín dụng của hộ và hỗ trợ của hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu của Lê Văn Dũng & Nguyễn Quang Trường (2011), Hà Quang Trung (2014), Trương Văn Thảo (2015), và Nguyễn Thị Thúy Loan (2015) cũng cho thấy diện tích đất của hộ, số lao động tham gia tập huấn khuyến nông, tuổi chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, số nhân khẩu, số người phụ thuộc, vốn vay, nghề nghiệp của chủ hộ đều có ảnh hưởng đều có ảnh hưởng đáng kể đến xác suất tái nghèo của hộ gia đình.

Như vậy, dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu trước đây và điều kiện đặc thù của tỉnh Bình Phước có thể nhận diện các nhân tố tiềm năng ảnh hưởng đến tình trạng tái nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số bao gồm 10 nhân

Bảng 2: Diễn giải các biến trong mô hình Binary Logistic Regression

Ký hiệu	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ vọng dấu
DANTOC	Thành phần dân tộc của chủ hộ	Nhận giá trị 1 nếu là người dân tộc thiểu số tại chỗ (S'tiêng, M'nông, Khmer), nhận giá trị 2 nếu là người dân tộc Tày, Nùng, nhận giá trị 3 nếu là dân tộc thiểu số khác)	-
GIOITINH	Giới tính của chủ hộ	Nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là Nam, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là Nữ	-
TUOI	Tuổi của chủ hộ	Năm	-
NHANKHAU	Số nhân khẩu của hộ	Người	+
PHUTHUOC	Số người sống phụ thuộc có trong hộ	Người	+
HOCVAN	Số năm đi học cao nhất của chủ hộ	Năm	-
NGHECHUHO	Chủ hộ có làm việc trong khu vực phi nông nghiệp hay không	Nhận giá trị 1 nếu làm việc trong khu vực nông nghiệp, giá trị 0 nếu làm việc trong khu vực phi nông nghiệp	-
VAYVONNH	Hộ có được vay tiền từ ngân hàng hay không	Nhận giá trị 1 nếu được vay, ngược lại nhận giá trị 0	-
DTDAT	Diện tích đất bình quân của hộ	Ha	-
KHUYENN	Sự tham gia các hoạt động khuyến nông của chủ hộ	Nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là không tham gia và nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là có tham gia	-
TAINGHEO	Biến phụ thuộc nhằm xác xuất hộ rơi vào tình trạng tái nghèo	Nhận giá trị 1 nếu là hộ tái nghèo và nhận giá trị 0 nếu hộ thoát nghèo	

tố (Bảng 2). Mô hình hồi quy cho các biến được xác định như sau:

$$TAINGHEO=\beta_0 + \beta_1 DANTOC + \beta_2 GIOITINH + \beta_3 TUOI + \beta_4 NHANKHAU + \beta_5 PHUTHUOC + \beta_6 HOCVAN + \beta_7 NGHECHUHO + \beta_8 VAYVONNH + \beta_9 DTDAT + \beta_{10} KHUYENN$$

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm cơ bản của các hộ điều tra khảo sát

3.1.1. Thực trạng tái nghèo theo thành phần dân tộc

Kết quả thống kê cho thấy sự chênh lệch về tỷ lệ hộ tái nghèo của nhóm hộ người dân tộc thiểu số tại chỗ (S'tiêng, Khmer, M'nông) với người dân tộc thiểu số di cư từ địa phương khác đến là khá lớn và không đồng đều ở từng địa phương (Bảng 3).

3.1.2. Thực trạng tái nghèo theo giới tính của chủ hộ

Mặc dù, trong những năm gần đây cuộc sống của người phụ nữ đã được cải thiện nhưng vấn đề bất bình đẳng giới vẫn còn phổ biến trong xã hội, vì vậy những chủ hộ là nữ thường gặp nhiều khó khăn hơn trong cuộc sống mà nguyên nhân là do họ ít có cơ hội tham gia hoạt động kinh tế và xã hội vì định kiến, học vấn thấp, ít năng động, khó kiếm được việc làm tốt.

Thông thường thì những hộ có chủ hộ là nữ thì khả năng nghèo cao hơn so với những hộ có chủ hộ là nam (Bảng 3). Điều này xuất phát từ quan điểm phổ biến cho rằng các hộ có chủ hộ là nữ, thường là do góa bụa hay ly dị, sẽ phải làm việc rất vất vả để kiếm đủ sống vì vừa phải nuôi con vừa phải làm việc.

3.1.3. Thực trạng tái nghèo theo nghề nghiệp của chủ hộ

Kết quả Bảng 3 cho thấy không có sự khác biệt lớn về tình trạng tái nghèo và thoát nghèo theo nghề nghiệp, cụ thể ở đây là nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp.

3.1.4. Thực trạng tái nghèo theo vay vốn của chủ hộ

Hộ nghèo chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp với quy mô đất đai bị hạn chế vì vậy nếu không nâng cao được năng suất đất thì khó có thể giúp hộ nghèo thoát nghèo. Điều này đòi hỏi một khoản đầu tư nhất định trên một diện tích đất với những kỹ thuật tương ứng dưới sự hướng dẫn của cán bộ khuyến nông sẽ đạt hiệu quả đầu tư cao hơn. Do đó, vốn vay ngân hàng đóng vai trò quan trọng để cải thiện điều kiện làm việc tốt hơn cho các hộ gia đình nghèo. Có đủ vốn, họ sẽ tổ chức sản xuất hay buôn bán để tìm kiếm cơ hội

Bảng 3: Thực trạng tái nghèo theo thành phần dân tộc

STT	Chỉ tiêu	Thoát nghèo		Tái nghèo		Tổng cộng	
		SL	%	SL	%	SL	%
I	**Thành phần dân tộc**						
1	Dân tộc S'tiêng, Khmer, M'nông	55	61,11	22	77,33	77	64,17
2	Dân tộc Tày, Nùng	28	31,11	5	16,67	33	27,5
3	Dân tộc khác	7	7,78	3	10,00	10	8,33
II	**Giới tính của chủ hộ**						
1	Nữ	12	13,33	7	23,33	19	15,83
2	Nam	78	86,67	23	76,67	101	84,17
III	**Nghề nghiệp của chủ hộ**						
1	Phi nông nghiệp	15	16,67	3	10,00	19	15,00
2	Nông nghiệp	75	83,33	27	90,00	101	85,00
IV	**Vay vốn ngân hàng**						
1	Không	13	14,44	20	66,67	33	27,50
2	Có	77	85,56	10	33,33	87	72,50
V	**Vay vốn tư nhân**						
1	Không	45	50,00	3	10,00	48	40,00
2	Có	45	50,00	27	90,00	72	60,00
VI	**Tham gia hoạt động khuyến nông**						
1	Không	9	10,00	6	20,00	15	12,50
2	Có	81	90,00	24	80,00	105	87,50
	Tổng cộng	90	100	30	100	120	100

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra 2015

thoát nghèo. Tuy nhiên, không phải ai cũng được vay vốn. Kết quả Bảng 3 cho thấy sự chênh lệnh về khả năng tiếp cận với các nguồn vốn vay của ngân hàng và tư nhân. Chỉ có 33,33% số hộ tái nghèo tiếp cận được nguồn vốn vay lãi suất thấp của ngân hàng và có đến 90% hộ tái nghèo phải đi vay tiền của tư nhân, trong khi đó, ở nhóm hộ thoát nghèo lần lượt là 85,56% vay vốn ngân hàng và chỉ có khoảng 50% vay vốn tư nhân. Điều này có nghĩa là các hộ tái nghèo phải trả lãi suất rất cao cho khoản chi phí đầu tư của họ, dẫn đến việc đầu tư không hiệu quả và dẫn đến tiếp tục nghèo.

3.1.5. Thực trạng tái nghèo theo sự tham gia các hoạt động khuyến nông của chủ hộ

Kết quả điều tra cũng cho thấy sự chênh lệnh về sự tham gia vào các hoạt động khuyến nông của chủ hộ là hộ thoát nghèo và tái nghèo (Bảng 3). Có đến 90% số chủ hộ thoát nghèo và 80% số chủ hộ tái nghèo tham gia các hoạt động khuyến nông.

3.1.6. Tình trạng tái nghèo phân theo tuổi, trình độ học vấn của chủ hộ

Tuổi bình quân của chủ hộ thuộc hộ tái nghèo (36,37 tuổi) thấp hơn một cách đáng kể so với chủ hộ thoát nghèo (40,58 tuổi) (Bảng 4). Nếu như nghề nghiệp có tác động trực tiếp lên mức sống của hộ thì trình độ học vấn của chủ hộ có tác động gián tiếp đến cái nghèo và quyết định khả năng thoát nghèo trong tương lai. Thông thường, người nghèo không có đủ tiền để trang trải cho chi phí học tập cho nên thường bỏ học rất sớm hay thậm chí là không đi học. Hậu quả là người nghèo không những thiếu hiểu biết mà còn thiếu khả năng tiếp thu kiến thức chuyên môn cần thiết trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Và rồi họ ngày càng nghèo hơn, kế tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt rõ rệt về trình độ học vấn trung bình của nhóm hộ tái nghèo (3,13 năm) và nhóm thoát nghèo (6,12 năm) với mức ý nghĩa thống kê 5%. Nhìn chung trình độ học vấn trung bình của chủ hộ người dân tộc thiểu số ở tỉnh Bình Phước rất thấp, số năm đi học trung bình của chủ hộ chỉ khoảng 5,37 năm, tức là chưa hết bậc tiểu học.

3.1.7. Tình trạng tái nghèo theo số khẩu và số người phụ thuộc của hộ

Kết quả ở Bảng 4 cho ta thấy bình quân số nhân khẩu của một hộ được khảo sát ở Bình Phước là 4,57 người/hộ. Kết quả khảo sát cho thấy số nhân khẩu của hai nhóm hộ tái nghèo và thoát nghèo cho thấy sự khác biệt đáng kể, trung bình một gia đình thuộc nhóm hộ tái nghèo có đến 4,93 người/hộ trong khi một gia đình thuộc nhóm thoát nghèo chỉ có 4,43 người/hộ. Ngoài ra, cũng có sự khác biệt rõ rệt về số người phụ thuộc. Kết quả khảo sát cho thấy trung bình một hộ tái nghèo có 2,46 người phụ thuộc, trong khi nhóm hộ thoát nghèo chỉ có 1,81 người phụ thuộc. Nguyên nhân ở đây là do hầu hết hộ tái nghèo có trình độ học vấn còn hạn chế, do cần người lao động nên lập gia đình sớm nhưng do ít hiểu biết,

Bảng 4: Tình trạng nghèo theo quy mô, số người phụ thuộc, diện tích đất của hộ

STT	Chi tiêu	Tái Nghèo	Thoát nghèo	Bình quân	Kiểm định t (Mức ý nghĩa thống kê)
1	Tuổi bình quân của chủ hộ	36,37[b]	41,99[a]	40,58	3,13**
2	Trình độ học vấn bình quân chủ hộ	3,13[b]	6,12[a]	5,37	6,17***
3	Số nhân khẩu bình quân hộ	4,93[a]	4,43[b]	4,55	-2,92**
4	Số người phụ thuộc bình quân	2,46[a]	1,81[b]	1,97	-5,26***
5	Diện tích đất bình quân hộ (ha/hộ)	0,65[b]	2,01[a]	1,67	11,79***
6	Diện tích đất nông nghiệp bình quân hộ (ha/hộ)	0,45[b]	1,29[a]	1,02	6,72***
7	Diện tích đất lâm nghiệp bình quân hộ (ha/hộ)	0,20[b]	0,79[a]	0,64	4,87***

Ghi chú:

- Chữ thường ở cột tái nghèo và thoát nghèo thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về về các chỉ tiêu so sánh kiểm định

*- *** Mức ý nghĩa <0,001; ** Mức ý nghĩa <0,05; * Mức ý nghĩa <0,1*

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra 2015

Bảng 5: Tóm tắt kết quả mô hình đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến tái nghèo của các hộ gia đình được khảo sát

Biến độc lập	Hệ số (B)	Độ lệch chuẩn (SE)	Mức ý nghĩa (Pvalue)	Tỷ số chênh (Odd ratio)	Tầm quan trọng của biến
Hằng số	8,2655**	3,7121	0.026	3887,481	
TUOI	-0,1408**	0,0678	0,038	0,8686	2
PHUTHUOC	2,2323***	0,8355	0,008	9,3216	1
HOCVAN	-0,6485**	0,2524	0,010	0,5228	3
VAYVONNH	-2,3578**	1,1523	0,041	0,0946	4
DTDAT	-3,5649***	1,4839	0,002	0,0283	5
Biến số phụ thuộc: TAINGHEO (1: tái nghèo, 0: thoát nghèo)					
Dung lượng mẫu:	120				
Prob > Chi^2	0,0000	***			
Pseudo R^2	0,7854				
Log likelihood	-14,480				

Ghi chú: *** Mức ý nghĩa <0,001; ** Mức ý nghĩa <0,05; * Mức ý nghĩa <0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra 2015

không thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình nên có con sớm và thường sinh con nhiều hơn mức trung bình.

3.1.8. Tình trạng tái nghèo diện tích đất của hộ

Kết quả khảo sát cho thấy trung bình một hộ gia đình được khảo sát ở Bình Phước có 1,67 ha đất, trong đó đất nông nghiệp và lâm nghiệp chiếm chủ yếu, bao gồm khoảng 1,02 ha đất nông nghiệp, 0,64 ha đất lâm nghiệp (Bảng 4). Có thể thấy sự chênh lệch diện tích đất sử dụng giữa các nhóm hộ tái nghèo và hộ thoát nghèo là khá cao, trong khi hộ tái nghèo trung bình chỉ có 0,65 ha đất/hộ (bình quân đạt 0,132ha/khẩu) thì hộ thoát nghèo có đến 2,01ha (bình quân đạt 0,453ha/khẩu). Trong một tỉnh mà các nguồn thu nhập chính dựa vào nông nghiệp thì quy mô sử dụng đất đai của từng nhóm hộ nêu trên phần nào lý giải sự chênh lệch mức sống giữa các hộ gia đình ở tỉnh Bình Phước.

Tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề này cho thấy chủ yếu có 2 lý do. Thứ nhất, khi Luật đất đai, Luật bảo vệ rừng có hiệu lực, người dân không được tự do khai hoang, phá rừng làm rẫy nữa thì do hộ nghèo thường có tỷ lệ sinh đẻ cao hơn hộ không nghèo hoặc là do được sinh ra trong gia đình nghèo nên khi lập gia đình họ được chia ít đất canh tác hơn. Thứ hai, do hộ nghèo thiếu vốn làm ăn, thiếu lao động hoặc lười lao động, ốm đau… dẫn đến nợ nần không có khả năng chi trả đã phải chuyển nhượng một phần diện tích đất canh tác của mình cho người khác.

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tái nghèo của các hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kết quả chạy mô hình Logit bằng phần mềm Stata 12 (Bảng 5) cho thấy các biến độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến tình trạng tái nghèo của hộ đồng bào dân tộc thiểu số bao gồm: Tổng diện tích đất của hộ (DTDAT), Được vay ngân hàng (VAYVONNH), Trình độ học vấn chủ hộ (HOCVAN) và Số người phụ thuộc (PHUTHUOC).

Kết quả kiểm định mô hình tổng thể cho thấy:

- Mức ý nghĩa (Prob > chi^2 = 0.0000) < α = 0,05 kết luận mô hình lựa chọn là phù hợp.

- Hệ số Pseudo R^2 = 0,7492, nghĩa là các biến được đưa vào trong mô hình này có thể giải thích được 74,92% sự biến động của biến phụ thuộc trong mô hình, còn lại 25,08% là do tác động các yếu tố khác chưa có điều kiện đưa vào mô hình.

Kết quả phân tích dựa vào tỷ số chênh (Bảng 5) cho thấy xác suất tái nghèo của các hộ gia đình dân tộc thiểu số ở tỉnh Bình Phước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các nhân tố chủ yếu được xếp theo thứ tự như sau: (1) số người phụ thuộc của hộ; (2) tuổi của chủ hộ; (3) trình độ học vấn của chủ hộ, (4) được vay vốn ngân hàng; (5) diện tích đất của hộ.

Kết quả hồi quy thể hiện phần lớn các tác động đến xác suất tái nghèo như đã trình bày ở phần cơ sở lý luận. Hệ số của các biến có ý nghĩa thống kê trong mô hình đều mang dấu đúng với dấu kỳ vọng.

Hệ số hồi quy của các biến độc lập trong mô hình (Bảng 5) bao gồm (TUOI, HOCVAN, VAYVONNH, DTDAT) mang dấu âm có nghĩa nếu tuổi, trình độ học vấn của hộ cao hơn, diện tích đất của hộ nhiều hơn, hộ được vay vốn ngân hàng thì xác suất hộ rơi vào tình trạng tái nghèo sẽ thấp hơn có nghĩa là xác suất thoát nghèo sẽ cao hơn và ngược lại.

Hệ số hồi quy của biến PHUTHUOC mang giá trị dương có nghĩa là hộ mà có số người phụ thuộc nhiều hơn thì xác suất hộ rơi vào tình trạng tái nghèo sẽ cao hơn hơn có nghĩa là xác suất thoát nghèo sẽ thấp hơn và ngược lại.

3.3. Các giải pháp thoát nghèo cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Bình Phước

3.3.1. Giảm quy mô và số người phụ thuộc của hộ gia đình

Tỷ lệ người phụ thuộc cao đồng nghĩa với quy mô hộ cao, tức là số người trong hộ đông trong khi hộ nghèo không có đủ tư liệu sản xuất, thì việc bố trí lao động sao cho đảm bảo thời gian làm việc hiệu quả là gần như không thể và do đó sẽ không làm tăng được năng suất lao động làm cho hộ dễ bị tái nghèo hơn.

Bình Phước với đặc thù của một tỉnh miền núi tiếp giáp với Tây Nguyên, nơi có tỷ lệ dân di cư từ nơi khác đến cao, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống với trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức của người dân về dân số - kế hoạch hóa gia đình còn hạn chế, thì việc nâng cao chất lượng công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh là việc làm cần nhận được sự quan tâm đúng mức của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp nhằm giúp cho đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh nhận thức được việc sinh nhiều con sẽ là gánh nặng cho xã hội và chính bản thân gia đình của họ, để từ đó họ tự nguyện thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Để làm được điều này cần kiện toàn lại đội ngũ cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh, nhất là đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ở cấp xã, thôn, ấp; ưu tiên đào tạo, khuyến khích sử dụng những cộng tác viên dân số là người dân tộc thiểu số của địa phương vì họ thông thuộc địa bàn, am hiểu phong tục tập quán, ngôn ngữ của đồng bào nên dễ chia sẻ, tạo được niềm tin, sự đồng thuận làm theo của đồng bào.

3.3.2. Nâng cao trình độ học vấn, tay nghề của các hộ tái nghèo

Cùng với việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục là củng cố và phát huy những thành quả về phổ cập trung học cơ sở và trung học phổ thông, tăng cường cơ sở vật chất các trường học, mở rộng mạng lưới các trường học phổ thông ở vùng miền núi... cần đẩy mạnh thực hiện một số chính sách hỗ trợ về giáo dục người nghèo như:

- Tổ chức thực hiện tốt việc miễn, giảm học phí, các khoản đóng góp cho con em các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn theo đúng tinh thần chỉ đạo của chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù của tỉnh Bình Phước về việc hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số nghèo đang theo học tại các trường chuyên nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đồng thời thực hiện mở rộng đối tượng hỗ trợ đến cho học sinh dân tộc thiểu số đang theo học tại các cấp học và nâng mức hỗ trợ từ 400.000 VND/tháng như hiện nay lên bằng một lần mức lương cơ bản hàng tháng để hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo học tập nâng cao trình độ, tạo nguồn nhân lực trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về việc hỗ trợ con em người dân tộc thiểu số dưới 6 tuổi được theo học các lớp học tiếng Việt, để giúp trẻ em người dân tộc thiểu số nghe, hiểu và nói được tiếng Việt trước khi đi học nhằm tạo điều kiện giúp các em tiếp thu tốt hơn các kiến thức được học ở nhà trường.

- Khuyến khích phát triển các hình thức hoạt động khuyến học ở các cấp, hội, đoàn thể, dòng họ... để giúp đỡ con em hộ nghèo có tinh thần vượt khó, học giỏi.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tập trung vào các lớp dạy nghề ngắn hạn phục vụ sản xuất nông nghiệp như hiện nay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (2009) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3.3.3. Giải pháp hỗ trợ về vốn cho người nghèo để đầu tư phát triển nông nghiệp, tạo việc làm mới giúp người nghèo thoát nghèo bền vững

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền kịp thời đến người nghèo về các chính sách vay vốn nói chung và vay vốn ưu đãi nói riêng nhằm giúp họ có điều kiện nắm bắt kịp thời các thông tin và có điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng ưu đãi cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

(2015) về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, với thủ tục vay và thu hồi vốn đơn giản, thuận tiện nhanh chóng, phù hợp với người nghèo, áp dụng linh hoạt phương thức cho vay chủ yếu là tín chấp thông qua hình thức nhóm tín dụng tiết kiệm hoặc các nhóm tương trợ tự nguyện của người nghèo và các đoàn thể xã hội như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, thời gian từ khi đăng ký vay đến khi nhận được tiền tối đa không quá 15 ngày.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện kinh tế - văn hóa – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh. Xem xét, nâng mức cho vay và thời gian vay phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của từng mô hình, từng dự án cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 15 triệu VND/hộ và không quá 5 năm, với lãi suất ưu đãi bằng 0,1%/tháng tuỳ vào từng dự án vay vốn cụ thể và tùy vào từng địa phương có thể thống nhất phương án cung cấp vốn vay bằng tiền hay hiện vật (như mô hình ngân hàng cho vay bò, vật tư nông nghiệp…).

- Kết hợp chặt chẽ giữa việc cấp tín dụng với hoạt động tiết kiệm giúp hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Đồng thời giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay thông qua việc tổ chức nhóm tín dụng - tiết kiệm để hạn chế tình trạng nợ đọng và sử dụng vốn sai mục đích.

3.3.4. Tăng quy mô đất của hộ

Để giải quyết khó khăn về tăng quy mô diện tích đất đai đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thì giải pháp đề ra là phải tập trung thực hiện:

- Giúp hộ nghèo dân tộc thiểu số tăng năng suất đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp theo chiều sâu ở 3 khía cạnh: (i) tăng hệ số gieo trồng; (ii) tăng giá trị cây trồng, vật nuôi trên một đơn vị diện tích; (iii) chú ý đạt quy mô đầu tư tối ưu trong nông nghiệp để đảm bảo hiệu quả, giảm chi phí trên một đơn vị diện tích giúp cho người nghèo có lợi nhuận cao hơn từ việc đầu tư.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hoàn thành Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ (2013).

- Có cơ chế, chính sách đảm bảo cho người nghèo có đất sản xuất. Chú ý, khi quy hoạch thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội có thực hiện thu hồi đất sản xuất của nông dân, thì cần có phương án quy hoạch bố trí dân cư hợp lý cho những hộ dân bị thu hồi đất và những hộ bị ảnh hưởng bởi dự án sao cho người dân vừa được hưởng lợi từ dự án phát triển kinh tế – xã hội đó, vừa đảm bảo có đất sản xuất hoặc được giải quyết việc làm, có thu nhập ổn định, thoát nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người nghèo nhất là các dịch vụ pháp lý có liên quan đến đất đai, thông qua các đợt trợ giúp pháp lý lưu động và có giám sát kết quả trợ giúp theo đúng tinh thần của Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (2012) về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2013-2020.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khảo sát 120 hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Bình Phước cho thấy có năm nguyên nhân chính ảnh hưởng đến tình trạng tái nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại địa bàn nghiên cứu, bao gồm: (1) số người phụ thuộc của hộ; (2) tuổi của chủ hộ; (3) trình độ học vấn của chủ hộ, (4) vay vốn ngân hàng; (5) diện tích đất của hộ. Trên cơ sở đó nghiên cứu cũng đã đề xuất 5 nhóm giải pháp góp phần thoát nghèo cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn nghiên cứu bao gồm: (1) giảm quy mô hộ và số người phụ thuộc; (2) nâng cao trình độ học vấn, tay nghề cho các hộ tái nghèo; (3) hỗ trợ về vốn ưu đãi cho hộ nghèo để đầu tư phát triển nông nghiệp, tạo việc làm mới, giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững; và (4) tăng quy mô đất của hộ. Các giải pháp này có thể làm tài liệu tham khảo có giá trị cho việc hoạch định các chính sách giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2011), *Nghị quyết 80/NQ-CP của Chính phủ ngày 19/05/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020*, ban hành ngày 19 tháng 05 năm 2011.

Lê Văn Dũng, Nguyễn Quang Trường (2011), 'Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến đói nghèo của nông hộ ở huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình', *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, Số 68, 17-26.

Nguyễn Minh Hà, Lê Thành Công, Nguyễn Hữu Tịnh (2013), 'Các yếu tố tác động đến tình trạng tái nghèo của hộ gia

đình (trường hợp huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp)', *Tạp chí Khoa học xã hội Thành Phố Hồ Chí Minh*, Số 5 (177), 3-21.

Nguyễn Thị Thúy Loan (2015), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo của người dân tỉnh Trà Vinh', Luận văn Thạc sỹ Chính sách công, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Trương Văn Thảo (2015), 'Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự thoát nghèo của các hộ dân tại huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông', Luận văn Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 194/2006/QĐ-TTg ngày 24/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006 – 2020*, ban hành ngày 24 tháng 08 năm 2006.

Thủ tướng Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc*, ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1956/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"*, ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2009.

Thủ tướng Chính phủ (2011a), *Quyết định số 9/2011/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ : Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015*, ban hành ngày 30 tháng 01 năm 2011.

Thủ tướng Chính phủ (2011b), *Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu* số, ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2011.

Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020*, ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2012.

Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:Phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn*, ban hành ngày 20 tháng 05 năm 2013.

Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo*, ban hành ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Hà Quang Trung (2014), 'Cơ sở khoa học của việc giảm nghèo bền vững cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn', Luận án Tiến sĩ, Đại học Thái Nguyên.

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2011), *Giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.